

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV6-VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2026.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV6-VL**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí C.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Gia A

2. Ông Phạm Văn U.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nh - Thư ký Tòa án nhân dân KV6-VL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6-VL tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị D - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV6-VL mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 173/2025/TLST - HN ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2026/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 4 năm 2026 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 34/2026/QĐST-HN ngày 17/4/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 787/34, ấp BT, xã VT, tỉnh VL.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Th Ph, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 787/34, ấp BT, xã VT, tỉnh VL.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ph: Ông Đình Văn N, sinh năm 1977.

Địa chỉ liên hệ: ấp PK, xã PMT, tỉnh VL.

Theo Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2025.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1959;

Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: ấp BT, xã VT, tỉnh VL.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, bản khai, các biên bản hòa giải và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th có nội dung trình bày:

Chị và anh Huỳnh Th Ph quen biết nhau vào năm 2011, sau thời gian tìm hiểu và phát sinh tình cảm nên chị và anh Ph tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống địa phương. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là xã Tân Thành Bình, tỉnh VL) vào ngày 07/12/2011. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chuyển về địa chỉ: 787/34, ấp BT, xã VT, tỉnh VL là quê của chị để sinh sống. Vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu, tuy nhiên càng về sau thì càng có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, hai bên thường xuyên cãi vã nhau, không cùng có tiếng nói chung. Chị và anh Ph cũng đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không thành. Hai bên sống ly thân khoảng 05 tháng trước khi chị nộp đơn ra Tòa. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa vì vậy chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Th được ly hôn với anh Ph, chị Th không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Chị Th và anh Ph có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Hân, sinh ngày 16/7/2013 và Huỳnh Ngọc Chân, sinh ngày 15/5/2015, hiện đang sống cùng chị Th, sau khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị Th có một căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 100m², căn nhà tọa lạc tại địa chỉ 787/34, ấp BT, xã VT, tỉnh VL, giá trị tạm tính 100.000.000đồng, anh Ph yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị là 50.000.000đồng. Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2025, chị đồng ý với kết quả này nhưng không đồng ý chia tài sản là $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà theo kết quả định giá mà đề nghị anh Ph cứ tháo dỡ $\frac{1}{2}$ ngôi nhà, còn lại chị lấy $\frac{1}{2}$ căn nhà để mẹ con chị sinh sống. Căn nhà này xây dựng trên thửa đất số 45, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp BT, xã VT, tỉnh VL; thửa đất của cha mẹ chị là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị G cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản cùng ngày 25/12/2025 thì chị đồng ý, không có ý kiến khác.

Theo đơn phản tố, bản khai, các biên bản hòa giải và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Huỳnh Th Ph có nội dung trình bày:

Anh đồng ý với trình bày của chị Th về quá trình quen biết, thời gian kết hôn và điều kiện tiến đến hôn nhân là đúng. Việc xác lập mối quan hệ hôn nhân giữa hai người là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là xã Tân Thành Bình, tỉnh VL) vào ngày 07/12/2011. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Th đã trình bày trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án là tương đối đúng. Nay chị Th cương quyết ly

hôn chắc cũng có lý do của riêng chị Th. Hai vợ chồng anh hiện nay không còn sống chung với nhau. Tuy nhiên đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Th thì phía bên anh không đồng ý ly hôn vì còn muốn hàn gắn gia đình để lo cho hai con và cũng còn tài sản chung chưa chia rõ ràng.

- Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Hân, sinh ngày 16/7/2013 và Huỳnh Ngọc Chân, sinh ngày 15/5/2015, hiện đang sống cùng chị Th, sau khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Anh cũng không đồng ý phần này do tài sản chung chưa chia rõ ràng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh Ph có một căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 100m², căn nhà tọa lạc tại địa chỉ 787/34, ấp BT, xã VT, tỉnh VL, giá trị tạm tính 100.000.000đồng, anh Ph yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị là 50.000.000đồng. Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/12/2025, anh đồng ý với kết quả này nhưng do anh không muốn ly hôn nên không yêu cầu chia tài sản chung này nữa. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà theo kết quả định giá.

Đối với tài sản trước đây anh có trình bày là 09 cây vàng 24K, 02 chiếc xe hiệu RSX 71- C4. 02538 và Vison 71- C4.32397 thì anh và chị Th đã thỏa thuận xong về hai chiếc xe hiệu RSX 71- 02538 và Vison 71-C4-32397, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần này. Đối với 09 cây vàng 24K, anh sẽ thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh, sau này nếu có chứng cứ rõ ràng anh sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản cùng ngày 25/12/2025 thì anh đồng ý, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị G cùng có lời trình bày như sau:

Ông bà là cha và mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Thu Th, hiện nay thừa đất số 45, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.813 m², tọa lạc tại ấp BT, xã VT, tỉnh VL là phần đất thuộc sở hữu của ông bà. Khoảng đầu năm 2012, ông bà có cho con G Nguyễn Thị Thu Th và con rể Huỳnh Th Ph mượn một phần đất cất căn nhà tạm khoảng 30 mét vuông để ở nhờ do khi đó con G và con rể không có chỗ ở. Quá trình cho ở nhờ không có làm giấy tờ chỉ nói miệng với nhau. Hiện nay con G của ông bà ở trong căn nhà này cùng hai đứa cháu ngoại của ông bà, còn Huỳnh Th Ph đã đi khỏi nhà và đang tranh chấp chia căn nhà này. Trong trường hợp Tòa án xét xử giao căn nhà cho con G của ông bà là Nguyễn Thị Thu Th thì ông bà vẫn đồng ý để con G tiếp tục ở trong căn nhà trên đất của ông bà và không có tranh chấp gì. Do không có thời gian, điều kiện sức khỏe không tốt nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6-VL phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung:

Áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu Th.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn với anh Huỳnh Th Ph.
- Cấp dưỡng vợ, chồng sau ly hôn: Chị Th không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.
- Về con chung: Chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Hân, sinh ngày 16/7/2013 và Huỳnh Ngọc Chân, sinh ngày 15/5/2015, hiện đang sống cùng chị Th và ghi nhận chị Th không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng cho con.
- Về tài sản chung: Chị Th tiếp tục sở hữu, quản lý căn nhà theo biên bản xem xét thẩm định ngày 25/12/2025 nằm trên thửa đất số 45, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.813m², tại ấp BT, xã VT, tỉnh VL do ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị G đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Th có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Ph số tiền 20.660.000 đồng.
- Nợ chung: Không có nên không xem xét.
- Về án phí: Chị Th chịu án phí ly hôn 300.000 đồng. Chị Th và anh Ph mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch là 1.033.000 đồng.
- Về chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản): Chị Th, anh Ph mỗi bên phải chịu 400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, bị đơn ông Huỳnh Th Ph hiện đăng ký thường trú tại xã VT, tỉnh VL nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV6-VL là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Xét thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th, bị đơn anh Huỳnh Th Ph và đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần tài sản là ông Đinh Văn Nhân cùng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị G cùng có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Th, ông Ph, ông Nhân, ông S và bà G là đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là xã Tân Thành Bình, tỉnh VL) vào ngày 07/12/2011 nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Th và anh Ph cùng chung sống tại xã VT, tỉnh VL; thời gian đầu chung sống hạnh phúc tuy nhiên càng về sau hôn nhân càng có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không có tiếng nói chung. Từ khoảng tháng 5/2025, chị Th và anh Ph không còn chung sống một nhà, anh Ph chuyển về nhà mẹ ruột ở ấp Đông Thạnh, xã Tân Thành Bình, tỉnh VL sinh sống. Trong thời gian vợ chồng ly thân cho đến nay hai bên cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ph cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng anh có phát sinh là đúng và thời gian vợ chồng ly thân nhau thì hai vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, chị Th vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph.

Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn và kéo dài mối quan hệ hôn nhân và cũng thừa nhận vợ chồng hiện nay không còn chung sống một nhà; xét tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên đơn, bị đơn cùng không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn là do tự nguyện vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét và cần ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Ph có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Hân, sinh ngày 16/7/2013 và Huỳnh Ngọc Chân, sinh ngày 15/5/2015, hiện con chung đang sống cùng chị Th. Sau khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi con chung. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên thì cháu Hân và cháu Chân cùng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ph không đồng ý về vấn đề con chung theo yêu cầu của chị Th vì lý do tài sản còn chưa phân chia rõ ràng và cũng không thể hiện nguyện vọng được nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy khi vợ chồng ly hôn, việc giao con chung cho ai nuôi là phải đảm bảo về mọi mặt cho con chung, đối với nguyên đơn sau khi hai vợ chồng sống ly thân là người trực tiếp nuôi con chung vì vậy để đảm bảo sự phát triển ổn định và bình thường của con chung Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Huỳnh Ngọc Hân và Huỳnh Ngọc Chân cho chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con, xét là do tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: trong quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất có tài sản chung là một căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 100m², giá trị khoảng 100.000.000đồng, tọa lạc tại địa chỉ: 787/34, ấp BT, xã VT, tỉnh VL. Tuy nhiên, căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản cùng ngày 25/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – VL thì tài sản

chung của chị Th, anh Ph là nhà chính diện tích 25 m^2 và nhà phụ diện tích 7 m^2 . Theo đó nhà chính có giá là $25 \text{ m}^2 \times 1.335.000 \text{ đồng/m}^2 = 33.375.000 \text{ đồng}$ và nhà phụ có giá là $7 \text{ m}^2 \times 1.135.000 \text{ đồng/m}^2 = 7.945.000 \text{ đồng}$. Tổng giá trị nhà chính và nhà phụ là 41.320.000 đồng.

Nhận thấy căn nhà của chị Th, anh Ph được xây dựng trên thửa đất số 45, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.813 m^2 , tọa lạc tại ấp BT, xã VT, tỉnh VL do cha mẹ ruột của chị Th là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị G đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ lời trình bày của ông S và bà G thì ông bà cho chị Th và anh Ph cất nhà ở nhờ trên đất. Chị Th và anh Ph cũng thừa nhận quyền sử dụng đất là của ông S, bà G nên Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề này.

Hiện nay, chị Th cùng các con chung của chị Th và anh Ph đang sinh sống tại căn nhà này, ông S và bà G vẫn đồng ý cho chị Th tiếp tục ở trên thửa đất này. Chị Th cho rằng không đồng ý hoàn trả giá trị căn nhà cho anh Ph mà yêu cầu anh Ph tự tháo dỡ $\frac{1}{2}$ căn nhà, còn lại $\frac{1}{2}$ căn nhà chị và các con sẽ sinh sống tiếp ở đấy; trong trường hợp tháo dỡ $\frac{1}{2}$ căn nhà sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu căn nhà và không thể tiếp tục sử dụng $\frac{1}{2}$ căn nhà sau khi đã tháo dỡ do đó trình bày này của chị Th không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Ph có yêu cầu phản tố, yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà theo kết quả hội đồng định giá.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì *“tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị”*.

Từ những phân tích, đánh giá như trên Hội đồng xét xử xem xét cho chị Th tiếp tục được sở hữu, quản lý căn nhà nêu trên và buộc chị Th có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Ph $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 41.320.000 đồng/2 với số tiền 20.660.000 đồng là phù hợp.

[5] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6-VL tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 800.000đồng. Chị Th, anh Ph mỗi người phải chịu là 400.000đồng, do anh Ph đã tạm nộp chi phí tố tụng nên buộc chị Th có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Ph số tiền chi phí tố tụng là 400.000đồng.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th phải có nghĩa vụ chịu án phí không có giá ngạch theo quy định. Chị Th và anh Ph mỗi người phải có nghĩa vụ chịu án phí có giá ngạch là $5\% \times 20.660.000 \text{ đồng}$ là 1.033.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, **điểm c** khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th đối với bị đơn anh Huỳnh Th Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn với anh Huỳnh Th Ph.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thu Th không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Thu Th có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 16/7/2013 và Huỳnh Ngọc Ch, sinh ngày 15/5/2015, hiện con chung đang sống cùng chị Th.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thu Th không yêu cầu anh Huỳnh Th Ph cấp dưỡng cho con.

Anh Huỳnh Th Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

Trong trường người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Th được tiếp tục sở hữu, quản lý căn nhà diện tích 32 m² (nhà chính diện tích 25 m² và nhà phụ diện tích 7 m²) tọa lạc trên thửa đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.813 m², tọa lạc tại ấp BT, xã VT, tỉnh VL thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị G.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu Th có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Huỳnh Th Ph ½ giá trị tài sản chung là 20.660.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Huỳnh Th Ph mỗi người phải chịu 400.000đồng và buộc chị Th có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Ph số tiền chi phí tố tụng là 400.000đồng.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí không có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị Thu Th phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005369 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh VL.

Án phí có giá ngạch:

Buộc chị Nguyễn Thị Thu Th phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 1.033.000đồng.

Buộc anh Huỳnh Th Ph phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 1.033.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.250.000đồng anh Ph đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012793 ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh VL, trả lại cho anh Ph số tiền là 217.000đồng.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh VL;
- VKSND khu vực 6 -VL;
- THADS tỉnh VL;
- UBND xã TTB, tỉnh VL;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

